SỞ Y TẾ TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ TÂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 615 /BC-TTYT

Tân Châu, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO
Hoạt động công tác Dân số quý I/2022 và phương hướng nhiệm vụ quý II/2022

Thực hiện Công văn số 1184/SYT-NV ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Sở Y tế Tây Ninh về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch năm 2022 công tác dân số; Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-CCDS ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Tây Ninh về hoạt động công tác dân số năm 2022; Thực hiện kế hoạch số 73/KH-BCĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ban chỉ đạo công tác dân số-chăm sóc sức khỏe huyện Tân Châu về việc thực hiện công tác dân số năm 2022.

Trung tâm Y tế huyện Tân Châu báo cáo hoạt động công tác Dân số-KHHGĐ quý I/2022 và phương hướng nhiệm vụ quý II/2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUÝ I/2022:

I. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Ngành cấp trên quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ.

- Các ban, ngành, đoàn thể có sự phối kết hợp chặt chẽ trong công tác dân số.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm triển khai, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Các bài học kinh nghiệm rút ra được từ kết quả đạt được năm 2021 về công tác tham mưu, công tác phối hợp, công tác tổ chức truyền thông, cập nhật dữ liệu quản lý thông tin chuyên ngành.

2. Khó khăn

- Dịch bệnh Covid 19 kéo dài ảnh hưởng không ít đến các hoạt động của công tác dân số, đồng thời gây ra tâm lý ngại sinh con trong giới trẻ hiện nay.

- Kinh phí cho hoạt động dân số chưa có.

II. Kết quả:

1. Quản lý dân số: *(thực hiện đến 31/3/2022)*

- Tổng số hộ: 34.955

- Dân số: 138.881

- Tổng số nữ: 69.977

- Tổng số nữ 15- 49: 40.248

- Tổng số nữ 15- 49[cc]: 23.336

- Tổng số sinh: 200 (trong đó: nam 96, nữ 29).

- Số sinh là con thứ 3 trở lên: 29

- Tổng số tử: 70

- Tổng số đi: 123

- Tổng số đến: 213

- Số bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh: Thực hiện từ tháng 01 đến tháng 3/2022: lần 1 là 129 ca, lần 2 là 153/427 đạt 35,83% (kế hoạch năm là 60%).

- Trẻ em sinh ra được sàng lọc sơ sinh: không có trường hợp bất thường, thực hiện từ tháng 01 đến tháng 3/2022: 25/200 đạt 12,50% (kế hoạch năm là 50%).

- Số lượng người cao tuổi khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: Thực hiện từ tháng 01 đến tháng 3/2021: 505/15.122 đạt 3,34% (kế hoạch năm là 43,56%).

2. Vận động thực hiện KHHGĐ:

-Vòng TT: 170 (trong đó thay vòng 48)

- Viên TT: 61

- Tiêm TT: 05

- Cấy TT: 01

- Bao cao su: 37

- Đình sản: 0

- Biện pháp khác: 0.

Tổng cộng 5.921 người sử dụng BPTT

(Chỉ tiêu 2022: Số người mới thực hiện BPTT hiện đại trong năm là 5.844 người)

3. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án:

3.1. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ:

Đơn vị kịp thời phân phối các phương tiện tránh thai phi lâm sàng cho các xã, thị trấn địa bàn huyện theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Thực hiện tốt công tác quản lý và theo dõi đối tượng sử dụng BPTT. Công tác hậu cần, quản lý các phương tiện tránh thai và báo cáo đúng theo quy định. Thực hiện truyền thông trực tiếp và gián tiếp cho các đối tượng trên địa bàn với khẩu hiệu "Mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con". Triển khai đăng ký nhu cầu sử dụng phương tiện tránh thai miễn phí và tiếp thị xã hội rộng rãi đến 12 xã, thị trấn ngay từ đầu năm. Kết quả: 12/12 xã không đăng ký nhu cầu sử dụng viên uống tránh thai miễn phí. Thực hiện tiếp thị xã hội được 175 vỉ thuốc uống tránh thai, 600 chiếc bao cao su nhãn hiệu NightHapp Tăng cường quảng bá các sản phẩm của Đề án xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ, SKSS thiết thực trong mùa dịch Covid 19 đến cộng đồng.

3.2. Duy trì thường xuyên các hoạt động các Đề án, Mô hình đang được triển khai thực hiện tại địa phương như: Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh bao gồm: dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn; dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh; giảm tảo hôn, hôn nhân cận huyết; Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Truyền thông dân số.

Cụ thể là:

- Triển khai và thực hiện các nhiệm vụ giải pháp làm giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh theo Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 17/2/2022 của UBND huyện; Giáo dục nội dung, quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, nâng cao y đức của đội ngũ cán bộ ngành y tế để không lạm dụng khoa học - công nghệ thực hiện các hành vi vi phạm quy định của pháp luật; tuyên truyền vận động người dân đặc biệt là các cặp vợ chồng không lựa chọn giới tính thai nhi; lồng ghép nội dung Kế hoạch trong hoạt động của các ngành, đoàn thể, tổ chức liên quan; thực hiên các chính sách khuyến khích không lựa chọn giới tính thai nhi.

- Tăng cường tuyên tuyền, vận động sanh đủ 2 con với mục đích điều chỉnh mức sinh thấp lên mức sinh thay thế theo Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tân Châu kèm theo Quyết định 3562/QĐ-UBND, ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện.

- Triển khai các hoạt động Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn huyện, theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện.

- Triển khai các hoạt động Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 của huyện Tân Châu theo Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện.

- Triển khai các hoạt động Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh huyện Tân Châu theo Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 08/09/2021 của UBND huyện và các Chương trình, kế hoạch của địa phương đã được phê duyệt.

- Triển khai các hoạt động truyền thông theo Kế hoạch số 142/KH-UBND, ngày 07/9/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện về Truyền thông dân số trên địa bàn huyện Tân Châu đến năm 2030.

3.3. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số:

- Triển khai thực hiện:

+ Kế hoạch số 1810/KH-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh v/v thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện Tân Châu v/v triển khai thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tân Châu.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế về Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức (nếu có).

3.4. Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

a. Về tổ chức bộ máy:

* Tuyến huyện: Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động hiện có là 03/05 biên chế, trong đó: trình độ chuyên môn là đại học 02 đạt tỷ lệ 66,67%, trung cấp 01 đạt 33,33%.

* Tuyến xã: 10/12 xã đều có viên chức dân số, được bố trí hoạt động tại Trạm Y tế xã, thị trấn. Riêng 02 xã (Tân Hiệp và Suối Ngô) do chưa tuyển dụng người mới nên Trạm Y tế bố trí nhân viên kiêm nhiệm làm công tác dân số. Cộng tác viên toàn huyện 215 người được bố trí theo dõi, quản lý dân cư phù hợp với quy mô dân số và điều kiện địa lý cho từng xã (trong quý 1 có thay đổi 04 CTV).

b. Về công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành:

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch số 73/KH-BCĐ ngày 11/3/2022 của Ban Chỉ đạo công tác dân số-chăm sóc sức khỏe huyện Tân Châu về việc thực hiện công tác dân số năm 2022.

- Tham mưu ký kết phối hợp thực hiện công tác dân số năm 2022.

c. Truyền thông thường xuyên tại cấp huyện và xã

* Tuyến huyện:

- Duy trì hoạt động Câu lạc bộ Chăm sóc sức khỏe - KHHGĐ trên facebook, chia sẽ 15 lượt bài viết với các nội dung gồm: nâng cao sức khỏe cho Người cao tuổi, tiêm vắc xin cho trẻ em, tư vấn các biện pháp tránh thai, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong mùa dịch Covid19.

- Truyền thông qua mạng xã hội zalo, facebook được 47 với nội dung: quản lý f0 tại nhà, tiêm ngừa covid, bảo vệ phụ nữ&trẻ em gái, mất cân bằng giới tính khi sinh, duy trì mức sinh, Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 tỉnh Tây Ninh,…

* Tuyến xã:

- Phát thanh: 155 lần, 1.274 phút, 131 tin bài.

- Tuyên truyền trực tiếp dân số - SKSS: 18 cuộc/719 lượt người dự.

- Tuyên truyền Đề án can thiệp giảm thiểu MCBGTKS: 05 cuộc/244 người dự.

- Tuyên truyền Đề án Sàng lọc trước sinh và sơ sinh: 05 cuộc/221 người dự.

- Tuyên truyền Đề án chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi: 03 cuộc/90 người dự.

- Tuyên truyền cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho vị thành niên, thanh niên: 04 cuộc/134 người dự.

- Truyền thông qua mạng xã hội zalo, facebook 69 lượt bài viết và chia sẽ các bài viết có nội dung về sàng lọc trước sinh&sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, giới thiệu các sản phẩm của Đề án 818-Bộ Y tế, Covid-19, Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 tỉnh Tây Ninh …

- Tư vấn chăm sóc SKSS/KHHGĐ: 1.079 người.

- Văn nghệ: 01 buổi/48 người dự.

- Chiếu phim: 12 buổi/860 người dự.

đ. Công tác giám sát: không có

III. Đánh giá chung:

1. Mặt làm được:

- Triển khai thực hiện tốt các Chương trình, Kế hoạch đã được ban hành về công tác dân số giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Duy trì các Đề án, Mô hình đang triển khai thực hiện tại địa phương.

2. Mặt tồn tại:

Công tác dân số trong 03 tháng đầu năm 2022 chưa triển khai đồng bộ.

* Nguyên nhân:

- Dịch covid 19 kéo dài.

- Nguồn kinh phí chương trình chưa phân bổ để triển khai các hoạt động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ II/2022:

I. Thuận lợi, khó khăn:

1. Thuận lợi:

Ngoài các thuận lợi đã được nêu ở trên, hoạt động công tác dân số còn có một số thuận lợi trong năm 2022 như:

- Đã tham mưu cho Ban chỉ đạo công tác dân số-chăm sóc sức khỏe huyện Tân Châu ban hành kế hoạch thực hiện công tác dân số năm 2022.

- Dự kiến kinh phí sẽ được phân khai trong quý 2.

2. Khó khăn:

- Dịch covid-19 còn diễn biến kéo dài.

- Nhân sự: tuyến huyện hiện chỉ có 3/5 biên chế (còn thiếu 02 biên chế), tuyến xã vẫn còn hoạt động kiêm nhiệm (02 xã: Tân Hiệp và Suối Ngô).

II. Mục tiêu:

Triển khai đồng bộ các hoạt động công tác dân số và phấn đấu đạt 50% chỉ tiêu năm 2022.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành:

- Tham mưu, xây dựng ban hành các kế hoạch, chương trình hành động, hướng dẫn, văn bản chỉ đạo, điều hành để tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đã được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân phê duyệt đảm bảo thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

- Phối hợp tốt giữa các đơn vị thành viên Ban chỉ đạo công tác Dân số - Chăm sóc sức khỏe huyện Tân Châu.

- Tham mưu củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số cấp huyện, xã trên địa bàn; kiện toàn đội ngũ Công tác viên dân số theo tiêu chuẩn mới đồng thời tham mưu thực hiện chính sách dân số và khen thưởng kịp thời.

2. Thực hiện các Chương trình, Kế hoạch:

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, hoạt động của công tác dân số, tập trung vào chuẩn bị cơ sở triển khai toàn diện chương trình hành động, kế hoạch, hướng dẫn, văn bản chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với tình hình địa phương.

- Tiến hành kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số, củng cố chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; củng cố, kiện toàn tổ chức phối hợp liên ngành về dân số và phát triển từ huyện đến cơ sở.

- Thực hiện các hoạt động của các Chương trình, Kế hoạch linh hoạt thích ứng trạng thái bình thường mới trong tình hình dịch Covid 19.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác dân số quý I/2022 và phương hướng nhiệm vụ quý II/2022 của Trung tâm Y tế huyện Tân Châu.

Nơi nhận:
- CCDS-KHHGĐ tỉnh;
- Phòng Y tế;
- Chi cục Thống kê;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN CHÂU

Trần Thanh Danh

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Báo cáo số: 175 /BC-TTYT ngày 31/3/2022)

ĐƠN VỊ	Chăm sóc sức khoẻ Người cao tuổi								Sàng lọc trước sinh và sơ sinh						KS Mất cân GTKS						Tiền hôn nhân						CSSKSS KHHGĐ			Số cặp tảo hôn
	Truyền thông		TV	Phát thanh			Sinh hoạt CLB		Truyền thông		TV	Phát thanh			Truyền thông		TV	Phát thanh			Truyền thông		TV	Phát thanh			Truyền thông		TV	
	cuộc	người dự		lần	Phút	tin bài	lần	người dự	cuộc	người dự		lần	Phút	tin bài	cuộc	người dự		lần	Phút	tin bài	cuộc	người dự		lần	Phút	tin bài	cuộc	người dự		
Thị Trấn	0	0	201	2	10	2	0	0	0	0	12	1	5	1	0	0	0	2	10	2	0	0	0	2	10	2	0	0	0	0
Suối Dây	0	0	0	0	0	0			0	0	40	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	8	270	0	0
Suối Ngô	2	44	44	8	80	4			2	135	53	8	80	4	2	135	84	8	80	4	2	90	46	8	80	4	2	135	90	0
Tân Đông	0	0	8	0	0	0	0	0	fb	0	5	0	0	0	0	0	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2fb	0	0	2
Tân Hà	0	0	0	4	20	2			0	0	24	8	80	2	0	0	26	3	60	3	0	0	0	3	40	3	0	0	0	0
Tân Hiệp	0	0	0	0	0	0			1	16	12	2	10	2	0	0	0	2	10	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tân Hòa	0	0	40	4	30	4			0	0	33	5	75	9	0	0	32	7	35	5	2	44	26	7	45	5		57	48	0
Tân Hội	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
T.Hưng	0	0	0	4	20	4	0	0	0	0	38	5	25	5	0	0	0	5	29	5	0	0	0	5	25	5	6fb	0	0	1
Tân Phú	3fb		27	6	60	6	0	0	3fb		0	6	60	6	3fb		0	6	60	6	0	0	0	6	60	6	3fb		0	0
T.Thành	1	46	18	6	30	6			2	70	20	4	20	4	3	109	48	5	25	5	0	0	14	5	25	5	15fb,7	257	47	0
Th.Đông	5fb		87	3	25	3	0	0	0	0	29	0	0	0	0	0	0	3	30	3	0	0	0	2	20	2	0	0	0	0
Toàn huyện	**8fb, 3**	**90**	**425**	**37**	**275**	**31**	**0**	**0**	**4fb, 5**	**221**	**266**	**39**	**355**	**33**	**3fb, 5**	**244**	**203**	**41**	**339**	**35**	**4**	**134**	**86**	**38**	**305**	**32**	**26fb,10**	**719**	**185**	**3**

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Báo cáo số: 175 /BC-TTYT ngày 31/3/2022)

STT	ĐƠN VỊ	Sàng lọc trước sinh						Sàng lọc Sơ sinh					Số người mới sử dụng BPTT hiện đại			
		Kết quả 3 tháng				So với cùng kỳ 2021	Chỉ tiêu 2022 (%)	Kết quả 3 tháng			So với cùng kỳ 2021	Chỉ tiêu 2022 (%)	Kết quả 3 tháng			So với cùng kỳ 2021
		PN có nghi thai SL		Phụ nữ mang thai	Đạt %			Số trẻ SLSS	Số trẻ sinh	Đạt %			Thực hiện	Chỉ tiêu 2022 (người)	Đạt %	
		Lần 1	Lần 2													
1	Thị Trấn	5	7	30	23.33	-57.92	60	0	2	0.00	-35.29	50	317	360	88.06	+6.63
2	Suối Dây	22	18	30	60.00	-6.67	60	0	24	0.00	0.00	50	544	600	90.67	+4.95
3	Suối Ngô	33	33	72	45.83	-39.88	60	10	42	23.81	+2.07	50	792	530	149.43	+52.38
4	Tân Đông	0	14	38	36.84	+6.20	60	1	25	0.00	-13.33	50	556	657	84.63	+8.34
5	Tân Hà	5	13	41	31.71	-51.63	60	9	10	90.00	-10.00	50	355	315	112.70	+26.53
6	Tân Hiệp	5	7	14	50.00	-21.43	60	0	7	0.00	0.00	50	288	296	97.30	+24.78
7	Tân Hòa	14	22	73	30.14	-60.77	60	2	29	6.90	-26.44	50	510	435	117.24	+49.49
8	Tân Hội	0	0	5	0.00	-30.77	60	0	0	0.00	-15.38	50	399	526	75.86	-9.24
9	Tân Hưng	16	22	35	62.86	-22.14	60	0	28	0.00	-10.00	50	744	700	106.29	+15.86
10	Tân Phú	0	0	20	0.00	-40.00	60	0	8	0.00	0.00	50	446	420	106.19	-9.08
11	Tân Thành	12	5	26	19.23	-2.20	60	3	13	23.08	-18.59	50	573	601	95.34	-80.95
12	Thạnh Đông	17	12	43	27.91	-42.09	60	0	12	0.00	0.00	50	397	404	98.27	+18.65
TOÀN HUYỆN		**129**	**153**	**427**	**35.83**	**-22.42**	**60**	**25**	**200**	**12.50**	**-9.96**	**50**	**5,921**	**5,844**	**101.32**	+15.39

Ghi chú:

- Số người mới sử dụng BPTT hiện Đại: Thuốc viên, thuốc tiêm. Bao cao su: lấy số quản lý đến thời điểm báo cáo
- Dụng cụ tử cung, thuốc cấy, đình sản: lấy mới thực hiện từ đầu năm đến thời điểm báo cáo

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Báo cáo số: 175 /BC-TTYT ngày 21/3/2022)

STT	Đơn vị	Khám sức khỏe Người cao tuổi					Cặp nam, nữ thanh niên được TV, KSK trước khi kết hôn				
		Kết quả 3 tháng			So với cùng kỳ 2021	Chỉ tiêu 2022 (%)	Kết quả 3 tháng			So với cùng kỳ 2021	Chỉ tiêu 2022 (%)
		NCT KSK	Số NCT	Đạt %			Cặp nam, nữ TN kết hôn được TV, KSK	Cặp nam, nữ TN kết hôn	Đạt (%)		
1	Thị Trấn	201	1,120	17.95	+12.22	16.33	0	0	0.00	0.00	15
2	Suối Dây	0	1,443	0.00	0.00	53.42	0	9	0.00	0.00	15
3	Suối Ngô	39	1,241	3.14	-0.94	69.77	0	16	0.00	0.00	15
4	Tân Đông	8	1,811	0.44	-1.73	31.73	0	14	0.00	0.00	15
5	Tân Hà	0	667	0.00	0.00	72.44	0	7	0.00	0.00	15
6	Tân Hiệp	0	790	0.00	0.00	29.08	0	2	0.00	0.00	15
7	Tân Hòa	40	928	4.31	-2.69	95.00	0	12	0.00	0.00	15
8	Tân Hội	0	1,393	0.00	-3.66	25.17	0	0	0.00	0.00	15
9	Tân Hưng	0	1,888	19.79	+19.79	24.65	0	24	0.00	0.00	15
10	Tân Phú	27	1,345	1.43	-6.80	24.51	0	4	0.00	0.00	15
11	Tân Thành	103	1,284	7.66	+3.31	61.06	0	5	0.00	0.00	15
12	Thạnh Đông	87	1,212	7.18	+4.39	56.86	0	7	0.00	0.00	15
TOÀN HUYỆN		**505**	**15,122**	**3.34**	**+0.23**	**43.56**	**0**	**100**	**0.00**	**0.00**	**15**

Biểu 02 - DSH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-TCDS ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình)

Đơn vị báo cáo :
Trung tâm Y tế Huyện Tân Châu
Nơi nhận:
+ Chi cục DS-KHHGĐ Tỉnh Tây Ninh
+ Phòng Y tế Huyện Tân Châu
+ Chi cục thống kê Huyện Tân Châu

BÁO CÁO DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

QUÝ I NĂM 2022 *(tính đến ngày 31/3/2022)*

Tên chỉ tiêu	Toàn huyện	Thị trấn Tân Châu	Xã Suối Dây	Xã Suối Ngô	Xã Tân Đông	Xã Tân Hà	Xã Tân Hiệp	Xã Tân Hoà	Xã Tân Hội	Xã Tân Hưng	Xã Tân Phú	Xã Tân Thành	Xã Thạnh Đông
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	34.955	2.456	3.307	3.041	3.743	1.915	1.693	2.686	3.260	4.411	2.663	3.255	2.525
Trong đó: Số hộ gia đình	34.944	2.456	3.301	3.041	3.740	1.915	1.693	2.686	3.259	4.411	2.662	3.255	2.525
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	138.881	8.930	13.877	12.733	16.005	6.981	7.002	10.138	12.782	17.194	10.277	13.232	9.730
3. Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	40.248	2.512	4.203	3.656	4.770	1.973	2.024	2.999	3.786	4.754	2.840	3.981	2.750
4. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	24.336	1.486	2.494	2.217	2.743	1.309	1.227	1.821	2.179	2.940	1.732	2.500	1.688
5. Số người chết trong quý (người)	70	1	8	8	3	6	7	13	0	5	1	10	8
6. Số người kết hôn trong quý (người)	100	0	9	16	14	7	2	12	0	24	4	5	7
7. Số người ly hôn trong quý (người)	5	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
8. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	123	10	0	6	0	12	40	0	0	4	0	4	47
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	213	1	12	11	2	23	22	1	0	64	3	15	59
10. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	15.580	974.000	1.486	1.630	1.665	838.000	811.000	1.270	1.273	1.874	1.101	1.624	1.034
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	8.900	611	865	789	1	432	447	722	780	1	516	993	585
- Triệt sản nam	8	3	3	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0
- Triệt sản nữ	412	19	49	37	35	26	25	26	45	39	37	42	32
- Thuốc cấy tránh thai	234	12	23	25	32	23	26	20	15	11	16	17	14
- Thuốc tiêm tránh thai	656	48	40	80	32	56	23	162	31	62	27	55	40

- Thuốc uống tránh thai	3.049	162	294	318	338	230	150	218	219	421	220	263	216
- Bao cao su	2.189	119	212	379	194	71	111	122	157	214	209	254	147
- Biện pháp khác	132	0	0	2	1	0	29	0	25	0	75	0	0
11. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.756	512	1.008	587	1.078	471	416	551	906	1.066	631	876	654
Trong tổng số: - Cặp có hai con một bề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Cặp có 3 con trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	215	14	20	18	24	12	11	15	21	28	18	19	15
Trong tổng số: - Cộng tác viên nữ	157	13	16	10	17	11	8	9	16	21	14	9	13
- Cộng tác viên mới tham gia trong quý	4	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0

Tân Châu, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Yên

Phòng Dân số-KHHGĐ

Lương Thị Quốc Khánh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN CHÂU

Trần Thanh Danh